TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 527/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01-6-2023
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Như T, sinh năm 1981;

Địa chỉ thường trú: 102/7B ấp D, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Bùi Xuân M, sinh năm 1979;

Địa chỉ thường trú: 102/7B ấp D, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở: 9D đường X, ấp A, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị Như T ***trình bày:***

Bà và ông Bùi Xuân M tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 186, quyển số 01/2006 do U, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/7/2006.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Mặc dù hai vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng bà đã sống ly thân 03 năm nay.

Nay bà không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân và không thể tiếp tục chung sống với ông M, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân với ông M, bà và ông M có 02 con chung tên Bùi Hồ D, sinh ngày 03/11/2006 và Bùi Hồ Khánh D1, sinh ngày 08/10/2012. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho mỗi con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến ĩnh ề tham gia tố tụng ều tôn thủ ẻng những quy ịnh của Bộ luật tố tụng đn sự.

Về nội dung vụ án: Bà T và ông M là vợ chồng hợp pháp từ ngày 07/7/2006. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã. Bà T và ông M đã ly thân từ năm 2020 đến nay, hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, hôn nhân thực tế không còn tồn tại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông M. Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Hồ D sinh ngày 03/11/2006 và Bùi Hồ Khánh D1 sinh ngày 08/10/2012. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho mỗi con chung. Hiện nay, cả 02 con chung do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự phát triển ổn định cho 02 con chung cũng như xét yêu cầu của bà T, xét nguyện vọng của cháu D, cháu D1 mong muốn được sống chung với mẹ là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu D và cháu D1 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho mỗi con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi là phù hợp với nhu cầu thực tế của con chung cũng như chi phí sinh hoạt tại địa phương nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I] Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà T và ông M là tranh chấp về việc "ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; ông M có nơi cư trú tại huyện H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tống đạt văn bản tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Thông báo mở lại phiên tòa cho bà T và ông M. Tại phiên tòa, bà T có mặt, ông M vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông M tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 186, quyển số 01/2006 do U, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/7/2006, có đủ cơ sở xác định, bà T và ông M là vợ chồng hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông M: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhằm tạo điều kiện để bà T và ông M hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông M, ông M vắng mặt không rõ lý do. Bà T trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn đồng cảm được với nhau nên thường xuyên cãi vã. Mặc dù bà T đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, ông bà đã sống ly thân 03 năm nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông M đã trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông M.

[2] Về con chung: Bà T xác định trong thời kỳ hôn nhân với ông M, vợ chồng ông bà có 02 con chung tên Bùi Hồ D, sinh ngày 03/11/2006 và Bùi Hồ Khánh D1, sinh ngày 08/10/2012. Hiện nay, cả 02 con chung do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Cháu D1 và cháu D cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ.

Xét nguyện vọng của bà T và cháu D1, cháu D là phù hợp cũng như để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu D1 và cháu D, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu D1 và cháu D cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay, bà T làm công chức nhà nước với thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Cháu D1 và cháu D đang đi học nên bà T yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho mỗi con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Để đảo bảo chi phí học tập và chi phí sinh hoạt cho cháu D1 và cháu D, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho mỗi con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T và ông M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Như T được ly hôn với ông Bùi Xuân M.

2. Về con chung: Bà T và ông M có 02 con chung tên Bùi Hồ D, sinh ngày 03/11/2006 và Bùi Hồ Khánh D1, sinh ngày 08/10/2012.

Giao cháu Bùi Hồ D và Bùi Hồ Khánh D1 cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho mỗi con chung cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2022/0015698 ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn (đã nộp đủ).

Ông M phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn (có mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mai